ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2973/QĐ-UBND	*Tuy Phước, ngày 26 tháng 6 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNN Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Nghĩa, huyện Tuy phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND xã Phước Nghĩa tại Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 31/12/2014 và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 68/BC-PKT&HT ngày 19/6/2015.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phước Nghĩa, huyện Tuy phước đến năm 2020

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND và HĐND huyện, Trưởng phòng các Phòng: Kinh tế & Hạ tầng, Nông nghiệp & PTNT, Tài nguyên & Môi trường, Chủ tịch UBND xã Phước Nghĩa và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu tránh nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo XD NTM huyện;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI XÃ PHƯỚC NGHĨA, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND huyện Tuy Phước)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1. Quy định quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước quy định việc quản lý, sử dụng đất và quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn xã được lập trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định hướng phát triển chung của khu vực toàn xã, phù hợp với các quy định khác.

2. Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước và các quy định tại Quy định này làm cơ sở UBND xã và các phòng ban chuyên môn cấp huyện xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan; là một căn cứ để xác định việc lập dự án đầu tư xây dựng vào khu vực xã theo đúng quy hoạch và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp : xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước.

+ Phía Đông giáp: xã Phước Thuận, Phước Sơn, huyện Tuy Phước.

+ Phía Tây giáp: xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước.

+ Phía Nam giáp: Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn.

Quy mô khu vực quy hoạch: 681,54 ha, gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Dân số 4.741 người, 1.330 hộ dân.

2. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a) Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch:

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
					Kỳ đầu, đến năm 2015		Kỳ cuối, đến năm 2020	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			**681,540**	**100,00**	**681,540**	**100,00**	**681,540**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**360,133**	**52,84**	**429,525**	**63,02**	**424,706**	**62,32**
1.1	Đất lúa nước (gồm đất chuyên trồng lúa nước và đất lúa nước còn lại)	DLN	280,180	81,41	277,156	83,19	272,443	82,98
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN						
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	63,973	18,59	55,999	16,81	55,893	17,02
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2,180	0,63	2,571	0,77	2,571	078
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD						
	Trong đó: khu bảo tồn thiên nhiên							
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	13,800	100,00	93,800	100,00	93,800	100,00
1.8	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS						
1.9	Đất làm muối	LMU						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH			20,50	2,02	20,50	2,02
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**183,877**	**26,98**	**212,516**	**31,18**	**217,393**	**31,90**
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, CTSN	CTS	0,430	0,44	0,506	0,44	0,564	0,49
2.2	Đất quốc phòng	CQP	22,970	23,64	23,390	20,57	23,390	20,28
2.3	Đất an ninh	CAN						
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK						
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	2,410	84,56	2,760	21,23	2,760	21,23
2.6	Đất sản xuất vật liệu XD gốm sứ	SKX	0,440	15,44	10,240	78,77	10,240	78,77
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT	1,820	2,57	1,820	2,37	1,820	2,32
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA			0,100	0,13	0,100	0,13

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
					Kỳ đầu, đến năm 2015		Kỳ cuối, đến năm 2020	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	1,020	0,55	1,020	0,48	1,020	0,47
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	24,620	13,39	25,440	11,97	25,440	11,70
2.12	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN	37,290	20,28	37,290	17,55	37,290	17,15
2.13	Đất phát triển hạ tầng	DHT						
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**137,530**	**20,18**	**39,499**	**5,80**	**39,441**	**5,79**
4	**Đất khu du lịch**	**DDL**						
5	Đất ở nông thôn	ONT	**23,800**	**12,94**	**35,046**	**16,49**	**38,328**	**17,63**

b) Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch:

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)	Phân kỳ	
				2011-2015	2016-2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	**Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**37,45**	**9,52**	**27,93**
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	31,97	7,42	24,55
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN/PNN			
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	3,86	0,48	3,38
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1,62	1,62	
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN			
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN			
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN			
1.8	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS/PNN			
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN			
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**	**PNN**			
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN			

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)	Phân kỳ	
				2011-2015	2016-2020
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP			
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS			
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RSX/NKR[(a)]			
2.5	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RDD/NKR[(a)]			
2.6	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR[(a)]			

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

*** Trồng trọt:**

Khu vực trồng lúa nước được phân bổ đều cho các cánh đồng ruộng của 03 thôn; khu vực trồng rau sạch được phân bổ ở thôn Thọ Nghĩa, phía Bắc Sông Tranh với diện tích khoảng 10,00 ha.

+ Cây lúa: Ổn định diện tích đất trồng lúa hàng năm trên 250ha (toàn bộ là lúa 02 vụ), sử dụng giống nguyên chủng, giống cấp I để gieo, phấn đấu năng suất bình quân đạt từ 6,8 – 7,2 tấn/ha. Giữ vững và phát huy tiềm năng sản xuất 2 vụ lúa/năm.

+ Rau các loại: Tiếp tục duy trì diện tích hiện có và phát huy hiệu quả khu vực đã quy hoạch.

*** Chăn nuôi:**

Ngoài các điểm chăn nuôi nhỏ lẻ tại ác hộ gia đình, xã còn quy hoạch điểm chăn nuôi tập trung ở vùng xã khu dân cư, trên vùng trồng cây lâu năm ở núi Kỳ Sơn dọc đường đèo đến Phước Sơn, tổng diện tích khu chăn nuôi tập trung này khoảng 10,00 ha.

2. Quy hoạch xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất:

- Giao thông nội đồng: Tổng chiều dài đường giao thông nội đồng khoảng 5 km đã được cứng hóa xe cơ giới đi lại thuận lợi 4,61 km.

- Hệ thống thủy lợi: Hệ thống kênh mương nội đồng toàn xã hiện có khoảng 15 km; đã cứng hóa 12,5 km.

3. Quy định về xây dựng và môi trường:

Đảm bảo môi trường khu dân cư xanh, sạch, đẹp; cân bằng lợi ích giữa việc phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế và cá nhân với lợi ích chung của cộng đồng dân cư nhằm đảm bảo phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 100%.

Các cơ sở kinh doanh có cam kết về môi trường đạt tiêu chuẩn.

Quản lý sử dụng và khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững, đảm bảo cân bằng sinh thái không gây tác động xấu đến môi trường.

Nghĩa trang, nghĩa địa được xây dựng theo đúng quy hoạch.

Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Thoát nước thải:

Thời gian đầu hệ thông thoát nước thải đi chung với hệ thống nước mưa và về lâu dài cần phải đầu tư riêng.

Thiết kế hệ thống thoát nước đi riêng với hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt phải qua bể tự hoại 3 ngăn có vật liệu lọc trước khi vào cống. Nước thải công nghiệp đi bằng hệ thống riêng, phải qua hệ thống xử lý dạt chuẩn trước khi thải ra môi trường . Không được thải trược tiếp ra môi trường.

Rác thải sinh hoạt được đưa tới bãi rác qua mạng lưới dịch vụ thu gom. Không tổ chức bãi rác trong khu quy hoạch.

Cống thoát nước được đặt cách ống cấp nước 1,5m và các loại ống ngầm khác 1m.

Tại các chỗ giao nhau giữa ống cấp và cống thoát nước, ống cấp phải đi phía trên.

Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước và nước thải sinh hoạt.

Cần tận dụng các ao hồ, sông để thoát nước, nước thải đã được xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối với hệ thống thoát nước mưa để thoát nước.

Tối thiểu phải thu gom 80% lượng nước cấp để xử lý.

Điều 4. Quy hoạch xây dựng:

a) Khu trung tâm xã: là khu trung tâm hàng chính-chính trị-văn hóa-kinh tế của xã. Năm trên trục đường Lê Công Diễn (đường liên xã) thuộc địa phận thôn Hưng Nghĩa, xã Phước Nghĩa. Hiện đã được phê duyệt khu trung tâm xã tỷ lệ 1/2000, diện

tích 28,87 ha và quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; dự bán đến năm 2020 khu trung tâm xã có khoảng 3.210 người và 19,31 ha đất ở (chỉ tiêu đất ở 200m^2/ hộ).

b) Các điểm dân cư: Chủ yếu là chỉnh trang và quy hoạch mở rộng đất ở theo nhu cầu của từng thôn để đạt tiêu chuẩn. dự báo đến năm 2020 điểm dân cư thôn Huỳnh Mai có khoảng 1.350 người và 6,93 ha đất ở; điểm dân cư thôn Thọ Nghĩa có khoảng 1.260 người và 6,43 ha đất ở (chỉ tiêu đất ở 200m^2/ hộ).

c) Quy hoạch các công trình công cộng:

*** Nhà làm việc, trụ sở cơ quan (UBND xã):** Trụ sở Ủy ban nhân dân xã có diện tích 2.550m^2 được xây dựng khang trang, chất lượng công trình khá tốt. Định hướng sắp đến xây dựng thêm 06 phòng làm việc cho các phòng ban và xây dựng mới 01 hội trường quy mô 150 chỗ ngồi để đạt chuẩn.

***Công trình giáo dục:** Kiên cố hóa trường lớp, hoàn thiện các điều kiện cơ sở vật chất trong hệ thống các trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học, thực hiện đúng phương châm " học đi đôi với làm". Giai đoạn 2011-2015 sẽ đầu tư xây dựng để đạt tiêu chí chuẩn, cụ thể như sau:

- Bậc mầm non: Hiện trạng có 03 phân trường mầm non ở 03 thôn, chưa dạt chuẩn. Trong giai đoạn 2011-2015 tập trung nâng cấp 03 phân trường trên đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí. Cụ thể: Đầu tư mở rộng và nâng cấp 02 trường mầm non Thọ Nghĩa, Hưng Nghĩa đạt chuẩn quốc gia (tối thiểu 03 phòng học/trường) (trường mầm non Thọ Nghĩa lấy diện tích của trụ sở thôn Thọ Nghĩa diện tích 613 m^2, trường mầm non Hưng Nghĩa mở rộng trường mẫu giáo hiện tại về hướng tây với diện tích 1.610 m^2. Ngoài ra, khi phóng tuyến đường quốc lộ 19C, trường mầm non Huỳnh Mai sẽ dời về đường dọc trục mương tiêu cấp 2, quy mô diện tích tối thiểu 600 m^2 với 03 lớp học(TCVN 3907/2011- yêu cầu thiết kế trường mầm non).

- Bậc tiểu học: Hiện trạng trường Phước Nghĩa có 01 phân trường chính ở thôn Hưng Nghĩa đã đạt chuẩn, 02 phân trường ở thôn Thọ Nghĩa và Huỳnh Mai chưa đạt chuẩn trong giai đoạn tới tập trung nâng cấp 02 phân trường trên đạt chuẩn quốc gia.

***Công trình y tế:** Toàn xã có một trạm y tế nằm ở trung tâm xã với diện tích khoảng 2.640 m^2, trong đó diện tích xây dựng khối nhà chính và các phòng chức năng chưa đạt tiêu chuẩn. Định hướng giao đoạn 2011-2015 sẽ đầu tư xây dựng tường rào, trồng vườn thuốc nam, 08 phòng chức năng, 01 nhà kho, 01 nhà để xe và sân chơi, bãi tập để đạt chuẩn trạm y tế theo quy định.

***Cơ sở vật chất văn hóa:**

- Nhà văn hóa xã: Hiện tại đã có quy hoạch nhưng chưa xây dựng đạt theo chuẩn của Bộ VHTT-DL. Trong giai đoạn 2011-2015 sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng nhà văn hóa trên khu đất với diện tích 2.560 m^2 để đạt chuẩn.

- Nhà vă hóa thôn: cả 3/3 thôn đã có nhà Văn hóa đạt diện tích theo quy định.

- Sân thể thao của xã: Hiện trạng xã chưa có khu thể thao, trong giai đoạn 2011-2015 sẽ đầu tư xây dựng khu thể thao xã bao gồm sân vận động xã và 01 nhà tập thể thao xã diện tích khoảng 1,00ha .

c) Khu vực công trình tôn giáo, tín ngượng:

- Đối với công trình tôn giáo, tín ngưỡng: việc bảo tồn xây mới công trình tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định hiện hành.

- Đối với công trình di sản: Thực hiện xin ý kiến và báo cáo cơ quan quản lý về văn hóa và thực hiện theo các quy định của Luật di sản văn hóa và pháp luật liên quan;

d) Đối với khu vực dữ trự phát triển:

- Tuân thủ quy hoạch được duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dữ trự phát triển);

- Có kế hoạch và phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng (kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn).

e) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông:

+ Đường trục xã, liên xã theo quy hoạch phát triển chung của tỉnh, thì thời gian đến sẽ mở tuyến Quốc lộ 19 mới đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao lộ Quốc lộ 1A, đoạn qua xã Phước Nghĩa dài khoảng 2,7 Km, lộ giới 39 m. Đường tỉnh lộ 640 đoạn qua xã Phước Nghĩa dài gần 2 Km, thời gian đến sẽ nâng cấp IV.

+ Đường trục xã: Dài 7,42 km, rộng 6m, đã được bê tông hóa. Định hướng đến năm 2015 sẽ nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp đường AH (mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; nền đường rộng tối thiểu 6,5m).

+ Đường liên thôn: Có chiều dài 24,80 km với mặt đường rộng 3m, nền rộng 4m. Trong thời gian đến sẽ nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp B (theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ giao thông vận tải).

+ Đường ngõ, xóm: Đường ngõ, xóm có tổng số 12,00 km; thời gian tới sẽ nâng cấp đạt tiêu chuẩn (cấp C) với mặt đường rộng 2m; nền đường rộng 3m.

+ Đường trục chính nội đồng: Tổng chiều dài 5 Km, đã được cứng hóa 4,61 Km, định hướng đến năm 2015 sẽ được nâng cấp, cứng hóa, một số đoạn đường còn lại đạt tiêu chuẩn cấp C.

- Hệ thống cấp điện: Hệ thống điện của xã được đầu tư xây dựng mới toàn bộ từ dự án Năng lượng nông thôn 2, nên đảm bảo phục vụ tốt sản xuất và sinh hoạt của nhân dân định hướng đến 2015. Bên cạnh việc duy trì mạng lưới hiện có, xây dựng mới trạm biến áp trong khu vực xây dựng khu Trung tâm của xã để cung cấp điện chiếu sáng cho khu dân cư và điện đường trong khu Trung tâm.

- Hệ thống cấp nước: Hiện nay, nguồn nước sinh hoạt cung cấp cho các hộ dân trên địa bàn xã chủ yếu khai thác từ nguồn nước ngầm thông qua các giếng khoan, giếng đào đủ cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, chỉ có thôn Huỳnh Mai có hệ thống cấp nước sạch. Dự kiến trong thời gian tới xã xây dựng trạm cung cấp nước sạch ở thôn Thọ Nghĩa để cung cấp khu Trung Tâm xã ở thôn Hưng Nghĩa và điểm dân cư thôn Thọ Nghĩa (theo tiêu chuẩn 80l/ người/ ngày).

- Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Chất thải rắn:

+ Bố trí các thùng rác công cộng, hình thành đội thu gom rác thải để hàng ngày tập trung rác thải về bãi rác thải chung của huyện để xử lý.

+ Xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao.

+ Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp (chôn lấp hoặc ủ kín).

+ Chất thải rắn từ hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý.

+ Chất hữu cơ: dùng cho chăn nuôi gia súc, xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp.

Thoát nước thải:

+ Tại khu vực trung tâm xã, thời gian đầu hệ thống nước thải đi chung với hệ thống thoát nước mưa và về lâu dài cần phải đầu tư riêng.

+Thiết kế hệ thống thoát nước đi riêng với hệ thống thoát nước mưa.

+ Nước thải sinh hoạt phải qua bể tự hoại 3 ngăn có vật liệu lọc trước khi vào cống.

+ Cống thoát nước được đặt cách ống cấp nước 1,5m và các loại ống ngầm khác 1m.

+ Tại các chỗ giao nhau giữa ống cấp và cống thoát nước, ống cấp phải đi phía trên.

+ Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt.

+ Cần tận dụng các ao hồ, sông để thoát nước, nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn đấu nối với hệ thống thoát nước mưa để thoát nước.

+ Tại khu vực trung tâm xã, tối thiểu phải thu gom 80% lượng nước cấp để xử lý.

- Nghĩa trang:

+ Hiện nay, việc chôn cất, mai táng tại địa phương còn theo tập quán cũ. Trong thời gian đến, để phấn đấu đạt xã nông thôn mới cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường, khai thác tốt quỹ đất trên địa bàn, UBND xã cần tuyên truyền, vận động nhân dân chôn cất người chết tại các nghĩa trang tập trung, không chôn cất tại đất nhà, không mở rộng các nghĩa trang nhỏ lẻ, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ vào các nghĩa trang tập trung. Hiện tại xã đã có quy hoạch mở rộng nghĩa trang tập trung ở thôn Huỳnh Mai.

+ Bên cạnh đó, cần quy hoạch trồng hệ thống cây xanh cách ly các nghĩa trang tập trung, bố trí các nghĩa trang tập trung cách khu dân cư tập trung tối thiểu 500m (đối với các nghĩa trang có gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến môi trường); có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Nghĩa thực hiện theo đúng Quy định này.

Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy định này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

Điều 7. Mọi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo pháp luật./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc